

Bản án số: 446/2017/HS-PT  
Ngày 18-8-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng An Thanh.

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Công Lý.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 86/2017/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Triệu C do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Triệu C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**NGUYỄN TRIỆU C;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 08/01/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Chung cư P đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Triệu K và bà Đỗ Thị T; Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 13/01/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 31/8/2006 bị Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 13 năm 03 tháng tù (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù năm 2013); Tạm giam từ ngày 27/7/2014 (Có mặt).

*Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

**NGUYỄN NGUYỄN Đ;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/8/1992 tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: cư xá V, Phường S, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Phương D; Chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị tạm giam từ ngày 29/7/2014.

*Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Nguyễn Văn H là Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Triệu C (Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Minh D; Sinh năm 1981; Địa chỉ: đường T, Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người làm chứng:*

Các ông Huỳnh Văn S, Phạm Bá H, Lê Tuấn H, Trần Lê B, Lê Anh Đ và Vòng Thanh L.

(Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập bị cáo Nguyễn Nguyên Đ, ông Đỗ Minh D và những người làm chứng).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 27/7/2014, Tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh nghi bị cáo Nguyễn Nguyên Đ mua bán trái phép chất ma túy trước Cầu lạc bộ L, đường C nên tiếp cận kiểm tra. Bị cáo Đ khai đi lấy tiền bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Triệu C. Tổ công tác đến chỗ bị cáo C đang đậu xe ô tô biển số xyz (gần chỗ bị cáo Đ đứng) để kiểm tra nhưng bị cáo C điều khiển xe bỏ chạy về hướng đường A, Quận Y. Đến trước nhà đường A, Phường X, Quận Y, Tổ công tác đuổi kịp bị cáo C và yêu cầu dừng xe, phát hiện từ trong ô tô có người ném gói thuốc lá ra khỏi xe. Tổ công tác chặn xe, phối hợp với Công an Phường X, Quận Y tiến hành kiểm tra thì trên xe chỉ có

một mình bị cáo Nguyễn Triệu C. Qua kiểm tra, bên trong gói thuốc lá Jet được ném ra từ trong xe của bị cáo C có 01 bịch nylon chứa tinh thể không màu.

Khám xét nơi ở của bị cáo C tại chung cư P đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an thu giữ 01 ống thủy tinh bên trong có chứa tinh thể màu vàng. Thời điểm khám xét có mặt 03 đối tượng gồm Nguyễn Trọng V, Phạm Khánh H và Trần Thị Thanh T.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đ nhận là người quen của bị cáo C và được bị cáo C thuê đi giao ma túy mà bị cáo C bán cho người mua rồi bị cáo C cho bị cáo Đ tiền, bị cáo Đ đã giúp bị cáo C giao ma túy cho đối tượng tên là Đỗ Minh D (Thường gọi là H, người trực tiếp mua ma túy của bị cáo C), nhận tiền từ ông D về giao lại cho bị cáo C như sau:

Lần thứ nhất: Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày, bị cáo C điện thoại cho bị cáo Đ đến trước khách sạn H đường E, Phường K, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho bị cáo Đ 01 hộp quà bên trong đựng ma túy đá giá 36.000.000 đồng để bị cáo Đ đem lên lầu 3 của khách sạn giao cho ông D. Khoảng 02 ngày sau, bị cáo Đ đến hồ O, Phường K, Quận J gặp ông D lấy 25.000.000 đồng đem giao lại cho bị cáo C. Số tiền còn lại ông D trực tiếp trả cho bị cáo C.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 05 ngày, ông D đặt mua ma túy của bị cáo C. Bị cáo C gọi điện kêu bị cáo Đ đến ngã tư đường B - S, đưa cho bị cáo Đ 01 hộp quà bên trong có ma túy đá để bị cáo Đ mang đến ngã tư đường B - P giao cho ông D và nhận số tiền 24.000.000 đồng mang về cho bị cáo C.

Lần thứ 3: Chiều ngày 26/7/2014, bị cáo C gọi điện kêu bị cáo Đ đến ngã tư đường B - E, đưa cho bị cáo Đ 01 hộp quà bên trong có ma túy đá giá 12.000.000 đồng để bị cáo Đ mang đến ngã tư đường B - P giao cho ông D và nhận 7.000.000 đồng mang về cho bị cáo C. Số tiền còn lại bị cáo C trực tiếp nhận từ ông D sau đó.

Lần thứ 4 (lần bị bắt): Khoảng 02 giờ 00 ngày 27/7/2014, bị cáo C điện thoại cho ông D thỏa thuận mua bán ma túy đá giá 25.000.000 đồng, giao nhận tại cổng Câu lạc bộ L, Quận J. Bị cáo C điện thoại kêu bị cáo Đ đến Câu lạc bộ L gặp ông D để nhận 25.000.000 đồng. Bị cáo Đ đến điểm hẹn chờ ông D thì bị Công an phát hiện kiểm tra truy bắt như đã nêu trên.

Ông Đỗ Minh D đã khai: Do nghiện ma túy nên ông D mua ma túy của bị cáo C để sử dụng. Việc mua bán ma túy giữa bị cáo C và ông D thông qua bị cáo Đ

để giao nhận ma túy và tiền đúng như lời khai của bị cáo Đ tại Cơ quan điều tra. Ngày 27/7/2014, ông D thỏa thuận mua ma túy của bị cáo C, đến điểm hẹn thấy bị cáo Đ bị bắt nên ông D về lấy số ma túy đã sử dụng còn lại một ít vứt xuống kênh Q.

Tại Kết luận giám định số 1406/KLGD-H ngày 15/8/2014 (Sau đây gọi là Kết luận số 1406), Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Triệu C và hình dấu Công an Phường X, Quận Y gửi đến giám định có trọng lượng 19,8761g (một chín phẩy tám bảy sáu một gram) có Methamphetamine (MA).

Tại Kết luận giám định số 1407/KLGD-H ngày 15/8/2014 (Sau đây gọi là Kết luận số 1407), Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tinh thể màu vàng đục trong 01 ống thủy tinh được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Khánh H và hình dấu Công an Phường M, Quận N gửi đến giám định có trọng lượng 0,3612g (không phẩy ba sáu một hai gram) có Methamphetamine.

Tại văn bản số 171/PC54-Đ6 ngày 02/11/2016, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh giải thích từ ngữ trong Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407 như sau: “Kết luận giám định số 1406/KLGD-H ngày 15/8/2014: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (để trong 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet) được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Triệu C và hình dấu Công an Phường X, Quận Y gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,8761g (một chín phẩy tám bảy sáu một gam), loại Methamphetamine.”, “Kết luận giám định số 1407/KLGD-H ngày 15/8/2014: Tinh thể không màu trong một ống thủy tinh được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Khánh Hà và hình dấu Công an Phường M, Quận N gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3612g (không phẩy ba sáu một hai gram), loại Methamphetamine.”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 19/01/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Triệu C và Nguyễn Nguyên Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, p Khoản 2, Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Triệu C. Áp dụng điểm b

Khoản 2, Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Nguyên Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Triệu C 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/7/2014.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nguyên Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2014.

Buộc bị cáo Nguyễn Triệu C nộp phạt bổ sung 20.000.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Nguyên Đ nộp phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có quyết định về phần xử lý vật chứng, vấn đề thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/02/2017, bị cáo Nguyễn Triệu C kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan và nêu các sai sót của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hồ Chí Minh như sau:

*Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang là không khách quan, vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự - Lời khai không được dùng làm chứng cứ duy nhất để buộc tội.*

*Bị cáo không thừa nhận chữ ký trong biên bản phạm tội quả tang và bàn giao đối tượng giám định là của bị cáo. Hội đồng xét xử sơ thẩm không cho giám định chữ ký trong hai văn bản này với chữ ký của bị cáo là vi phạm Điều 10 Bộ luật Tố tụng hình sự - nguyên tắc xác định sự thật vụ án.*

*Tang vật của vụ án không được tiến hành niêm phong ngay tại hiện trường, khi thu giữ vật chứng, Tổ công tác của Công an thành phố Hồ Chí Minh không mang găng tay, không sử dụng kẹp gấp nên không đảm bảo các yếu tố giám định vân tay, vi phạm Điều 68 Bộ luật Tố tụng hình sự - Vật chứng phải đảm bảo được thu giữ đúng quy trình để toàn vẹn các dấu vết trên vật chứng, nên không xác định được vân tay là mất đi chứng cứ chứng minh vô tội của bị cáo.*

*Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông Đỗ Minh D, lời khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Nguyên Đ để quy kết bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy là không khách quan, vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

*Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần nhưng khẳng định không có cơ sở để xác định bị cáo đã thực*

*hiện hành vi mua bán ma túy cụ thể, trọng lượng ma túy, chủng loại là vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án như sau: Mặc dù bị cáo không nhận tội nhưng căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, biên bản phạm tội quả tang, kết quả giám định ma túy, lời khai của bị cáo Đ và ông D, có đủ cơ sở kết luận bị cáo C mua bán ma túy. Tại biên bản phạm tội quả tang, bị cáo C đã khai nhận tội. Biên bản đối chất giữa bị cáo C với bị cáo Đ và ông D cũng cho thấy bị cáo C phạm tội. Dù bị cáo C không thừa nhận chữ ký trong biên bản phạm tội quả tang nhưng kết quả giám định đã so sánh đối chiếu các chữ ký và vân tay để kết luận là bị cáo có ký các biên bản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo C trình bày: Khi Công an khám xét xe và người bị cáo C không có ma túy. Không có căn cứ nào cho thấy bị cáo ném gói thuốc lá hiệu Jet ra (Điều tra viên báo cáo là tìm thấy ở bên cạnh xe). Cơ quan điều tra không trưng cầu giám định được vân tay, không giám định hàm lượng ma túy, giá tiền mua bán ma túy cũng có mâu thuẫn và số tiền 6 triệu đồng không làm rõ được. Lời khai của ông Đỗ Minh D không có căn cứ và ngay cả số ma túy của ông D mua cũng không có vật chứng. Khi bắt quả tang Công an đi bằng phương tiện gì, truy đuổi thế nào không được làm rõ. Biên bản phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong có chữ ký khác chữ ký của bị cáo nhưng không giám định được là do bị cáo ký ra. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo C không phạm tội và trả tự do cho bị cáo.

Bị cáo C bổ sung lời bào chữa: Giám định không kết luận chữ ký là của bị cáo.

Trong lúc đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên ý kiến khẳng định bị cáo C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vì ma túy thu được đã được giám định, tại chỗ ở của bị cáo cũng thu được ma túy và Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị cáo nhận dạng được nhau, có đủ căn cứ kết tội bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lúc đối đáp Luật sư cho rằng: Các lời khai của ông D đã được kiểm tra nhưng không thấy ma túy ở đâu. Lời khai của bị cáo Đ không thống nhất nhưng bị cáo Đ khẳng định không kháng cáo để chấp hành xong hình phạt sẽ kêu oan.

Tòa án cấp sơ thẩm không mời ông D và những người làm chứng đến phiên tòa là không đúng.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo C xin Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ của vụ án để minh oan cho bị cáo. Bị cáo C khẳng định hai biên bản đối chất giữa bị cáo với bị cáo Đ và giữa bị cáo với ông D được thực hiện khi mỗi người ở một nơi (Điều tra viên đi qua, đi lại giữa hai nơi), lúc đối chất ông D ngồi ở quán cà phê (Điều tra viên đưa bị cáo C ra nhìn quán cà phê để nhận dạng ông D).

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Nguyễn Triệu C và Nguyễn Nguyên Đ bị truy tố về hành vi mua bán trái phép chất ma túy dựa vào Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407 như chi tiết đã nêu ở phần nội dung vụ án. Tuy nhiên, các kết luận giám định này chỉ xác định tinh thể không màu chứa trong gói nylon để trong vỏ bao thuốc lá hiệu Jet thu được khi đuổi theo bị cáo C và tinh thể màu vàng đục trong ống thủy tinh thu được tại nhà bị cáo C có khối lượng bao nhiêu, có chứa chất ma túy, tiền chất ma túy không, nhưng chưa xác định hàm lượng (tỷ lệ phần trăm), trọng lượng của chất ma túy, tiền chất ma túy chứa trong tinh thể đó là bao nhiêu. Như vậy, các kết luận này được thực hiện không đúng với quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần trả hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra giám định hàm lượng tinh chất Methamphetamine trong số 19,8761 gam tinh thể không màu và 0,3612 gam tinh thể màu vàng đục đã thu được nhưng các kết quả điều tra bổ sung không đáp ứng được yêu cầu này, cụ thể như sau:

Kết luận giám định số 835/PC54(Đ6) ngày 03/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 307) có đoạn viết về việc xác định chất Methamphetamine trong Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407 như sau: “Tuy nhiên, để xác định hai mẫu nêu trên có cùng một loại hay không, ngoài việc căn cứ vào hàm lượng chất Methamphetamine, ***còn phải so sánh hàm lượng các thành phần khác có trong 02 mẫu***”. Điều này cho thấy tinh thể được gửi giám

định không chỉ chứa chất Methamphetamine mà còn chứa các chất khác nên trọng lượng mà Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407 thể hiện không phải là trọng lượng tinh chất Methamphetamine chứa trong số tinh thể thu giữ được.

Tại Văn bản số 171/PC54-Đ6 ngày 02/11/2016 giải thích từ ngữ trong Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định các chất thu được là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine mà không dựa trên kết quả thực hiện việc giám định lại đối tượng giám định.

Dù Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xác định tinh chất Methamphetamine trong các tinh thể thu được, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn căn cứ vào Kết luận số 1406 và Kết luận số 1407 xác định trọng lượng của tinh thể thu giữ là trọng lượng chất ma túy chứa trong tinh thể đó, để từ đó quyết định hình phạt đối với các bị cáo là không có cơ sở.

[2] Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, Biên bản phiên tòa sơ thẩm và Bản án sơ thẩm đều thể hiện thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm là lúc 08 giờ 00 ngày 19/01/2017 và địa điểm mở phiên tòa là trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, Biên bản nghị án (Bút lục số 450) ở phần ngày tháng tại dòng thứ 03 từ trên xuống được ghi là “Thủ Đức, ngày 19 tháng 01 năm 2017” trong khi không có dòng nào khác thể hiện địa điểm nghị án (Tại dòng thứ 11 từ trên xuống Biên bản nghị án chỉ được ghi “tại phòng nghị án”). Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ký các văn bản tố tụng quan trọng mà không thống nhất về địa điểm mở phiên tòa là một sai sót nghiêm trọng về mặt tố tụng.

[3] Mặt khác, có lập luận của Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi trong bản án chưa chặt chẽ, thiếu tính thuyết phục, chỉ liệt kê tên các tài liệu trong hồ sơ vụ án để xác định các bị cáo có hành vi phạm tội, nhưng chưa phân tích cụ thể, rõ ràng các vấn đề đã được cơ quan điều tra làm sáng tỏ để chứng minh các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Thậm chí, tại đoạn 2 trang 7 của bản án sơ thẩm có đoạn thể hiện số liệu một cách khó hiểu: “...*tổng khối lượng của các lần là 79,876119,8761g*... ”.

[4] Những vấn đề nêu trên thể hiện việc điều tra, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố Hồ Chí Minh không đầy đủ, toàn diện, ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm hình sự của các bị cáo mà Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[5] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, khi nói lời nói sau cùng, bị cáo C khẳng định lúc đối chất với bị cáo Nguyễn Nguyên Đ và ông Đỗ Minh D thì bị cáo

không được ngồi cùng phòng với người cùng đối chất mà bị cáo Đ ngồi phòng khác còn ông D ngồi quán cà phê (Bị cáo được đưa ra nhìn quán cà phê để nhận dạng ông D). Vấn đề này cần làm rõ ở giai đoạn điều tra lại.

[6] Do thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không phân tích các vấn đề bị cáo C nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm cùng quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo vì các vấn đề này sẽ được các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để tránh làm oan người không phạm tội cũng như không bỏ lọt tội phạm và đảm bảo việc xét xử được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm f Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 241, Điều 248 và Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

1/ Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HSST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo quy định của pháp luật.

2/ Bị cáo Nguyễn Triệu C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 18 tháng 8 năm 2017.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam Chí Hòa (1);
- Bị cáo (Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt cho bị cáo C và bị cáo Đ) (2);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), 07, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng An Thanh**